

## THỰC TRẠNG NĂNG LỰC DẠY HỌC TÍCH HỢP CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở CÁC TỈNH KHU VỰC NAM BỘ

NGÔ MINH OANH\*

### TÓM TẮT

*Bài báo trình bày thực trạng nhận thức và năng lực dạy học tích hợp (DHTH) hiện nay của đội ngũ giáo viên (GV) trung học cơ sở (THCS) các tỉnh thuộc khu vực Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy GV đã có những hiểu biết cơ bản về DHTH và có các năng lực đáp ứng yêu cầu DHTH. Tuy nhiên, GV chưa nhận thức một cách sâu sắc bản chất của DHTH, mức độ đạt được về các năng lực DHTH chưa cao.*

**Từ khóa:** nhận thức và năng lực, dạy học tích hợp, ưu điểm, hạn chế.

### ABSTRACT

#### *The reality of secondary school teachers' integrated teaching competence in the South of Vietnam*

*The article presents the reality of secondary school teachers' perception and competence of integrated teaching in the South of Vietnam. Results show that teachers have developed a basic understanding of integrated teaching and competences required by integrated teaching. However, teachers still show a lack of a deep understanding of the nature of integrated teaching, and the levels of competences in integrated teaching are not high.*

**Keywords:** perception and competence, integrated teaching, strengths and weakness.

### 1. Đặt vấn đề

Trong Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015, cụ thể là trong chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã xác định sẽ giảm bớt môn học, thực hiện tích hợp cao ở cấp tiểu học và THCS; phân hóa ở cấp trung học phổ thông (THPT). “Giáo dục phổ thông 12 năm, gồm hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản (gồm cấp tiểu học 5 năm và cấp THCS 4 năm) và giai đoạn định hướng nghề nghiệp (cấp THPT 3 năm)” [1]. Những nội dung cơ bản của giáo dục phổ thông sẽ được trang bị cho học sinh

(HS) ở bậc học THCS, còn ở THPT sẽ là cấp học định hướng nghề nghiệp. Như vậy trong chương trình phổ thông mới, cấp học THCS sẽ là một cấp học có vai trò rất quan trọng trong tiến trình giáo dục phổ thông. Xuất phát từ tầm quan trọng của cấp học, để góp phần vào công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đề tài nghiên cứu về thực trạng nhận thức và năng lực DHTH của đội ngũ GV THCS khu vực Nam Bộ nhằm mục đích đánh giá đúng thực trạng và làm cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực DHTH cho GV THCS khu vực Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

\* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: ngominhoanh@yahoo.com.vn

## 2. Tổ chức nghiên cứu

### 2.1. Mẫu khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ở các tỉnh, thành thuộc khu vực Nam Bộ, trong đó tập trung vào 3 tỉnh chủ yếu là Bình Dương, Bến Tre và Kiên Giang. Đây là những tỉnh tiêu biểu có thể đại diện cho các tỉnh Nam Bộ. Số phiếu phát ra là 1.500, trong đó có 1.150 phiếu hỏi dành cho GV và 350 phiếu dành cho cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục các cấp. Nhóm nghiên cứu thu về khoảng 1.400 phiếu, trong đó những phiếu có đầy đủ các thông tin là 1.300. Những phiếu này có độ tin cậy cao, là những phiếu điều tra do chính các thầy cô trực tiếp đứng lớp ở các trường THCS và các CBQL các cấp trả lời.

### 2.2. Công cụ khảo sát

Công cụ nghiên cứu chính là phiếu khảo sát gồm có 12 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 10 nội dung, tổng cộng phiếu hỏi có khoảng 100 thông tin cần được GV và CBQL cung cấp. Ba nội dung chính mà phiếu hỏi đề cập là: nhận thức của GV THCS về DHTH; đánh giá thực trạng năng lực DHTH của GV THCS và đánh giá của CBQL về khả năng đáp ứng của GV đối với các năng lực DHTH theo yêu cầu đổi mới giáo dục.

### 2.3. Phương pháp xử lý số liệu

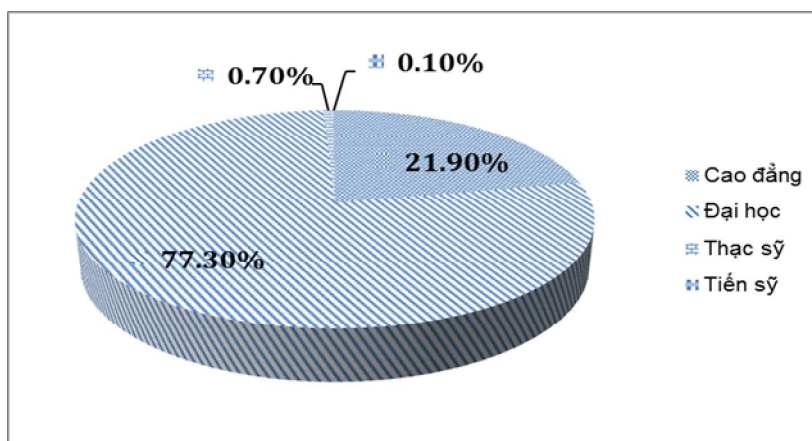
Thống kê số liệu theo tỉ lệ % của từng chỉ số và toàn câu hỏi.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Thực trạng nhận thức về DHTH của GV THCS các tỉnh khu vực Nam Bộ

#### 3.1.1. Về trình độ đào tạo (xem biểu đồ 1)

Tỉ lệ tốt nghiệp đại học chiếm khoảng 68,5%, trình độ cao đẳng sư phạm chiếm 19,4%, trong đó thâm niên giảng dạy dưới 10 năm chiếm 17,1%, số GV có thâm niên từ trên 10 năm trở lên chiếm 60,23%. Điều này cho thấy số GV có kinh nghiệm giảng dạy chiếm một tỉ lệ khá cao. Tuy nhiên số GV có tuổi đời và tuổi nghề cao này sẽ là một bộ phận ngại đổi mới, hạn chế về khả năng công nghệ và tiếp cận với các phương pháp, kĩ thuật dạy học mới. Điều đáng lưu ý là phần lớn GV được đào tạo đơn môn, nhưng cũng có một tỉ lệ lớn (chiếm 16,7%) là những GV được đào tạo hai môn với mô hình rất đa dạng như: Toán - Lí, Toán - Công nghệ, Hóa - Sinh, Hóa - Lí, Hóa - Công nghệ, Hóa - Địa, Lí - Công nghệ, Lí - Tin học, Sinh - Công nghệ... Khối các môn khoa học xã hội nhân văn thì có các mô hình: Văn - Sử, Văn - Địa, Văn - GDĐC, Sử - Địa... Đây là bộ phận GV mà khi thực hiện DHTH sẽ có nhiều thuận lợi hơn GV được đào tạo đơn môn.

**Biểu đồ 1.** Trình độ đào tạo của đội ngũ GV THCS khu vực Nam Bộ

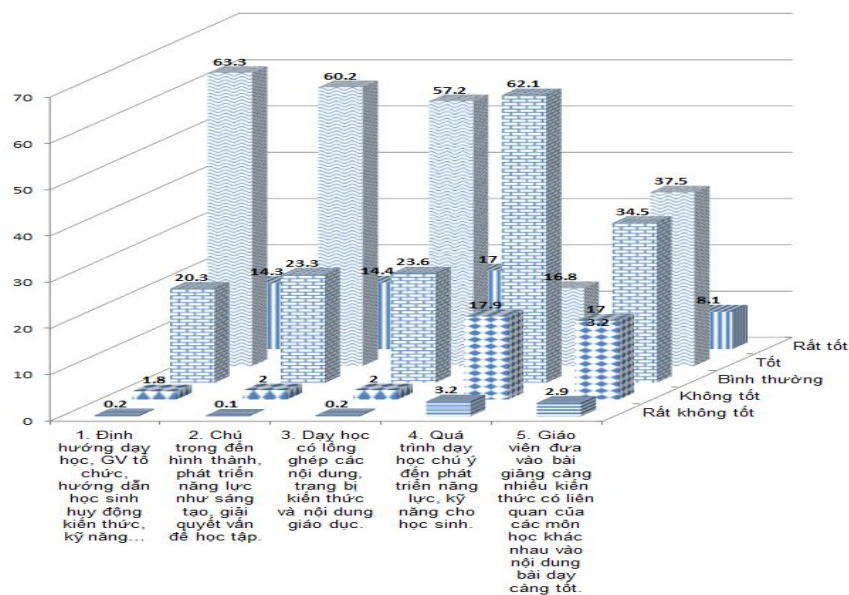
### 3.1.2. Nhận thức về sự cần thiết của DHTH

Hầu hết GV đều nhận thức được sự cần thiết phải DHTH như tránh được sự trùng lặp, tiết kiệm thời gian và công sức của GV; giảm thời gian học lí thuyết tăng thực hành và những hoạt động trải nghiệm, sáng tạo cho HS; DHTH làm cho các nội dung học tập xích lại gần với đời sống hơn, làm cho giáo dục thiết thực và có ý nghĩa hơn. Tuy nhiên, về lí do sâu xa của DHTH, thì các thầy cô chưa hiểu sâu, như do mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đều có mối liên hệ với nhau, muốn nhận biết toàn diện, đầy đủ các sự vật, hiện tượng ấy phải huy động kiến thức và kĩ năng của nhiều lĩnh vực khác nhau. Có đến 56,2% cho là bình thường, chỉ có 20,7% là đồng ý với lí do này.

### 3.1.3. Sự hiểu biết về những nội dung DHTH (xem biểu đồ 2)

Sự hiểu biết về những nội dung DHTH của GV THCS cũng còn nhiều bất cập. GV hiểu được khái niệm DHTH là sự liên kết các đối tượng giảng dạy, học tập trong cùng một môn học hoặc một số môn học khác nhau trong quá trình dạy học. Đó là sự lồng ghép, sự kết hợp các nội dung các phân môn trong một môn học hoặc nội dung của các môn học với những cách thức (nội dung, phương pháp, kĩ năng) khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn GV chưa hiểu được các hình thức (cách thức) tích hợp. GV còn lúng túng trong việc phân biệt các quan điểm và cách thức DHTH “đa môn”, “liên môn”, “xuyên môn” là như thế nào. Từ đó, việc phân biệt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học như dạy học theo dự án; dạy học theo chủ đề; dạy học giải quyết vấn đề; và vận dụng một số kĩ thuật dạy học... chưa phù hợp và còn lúng túng.

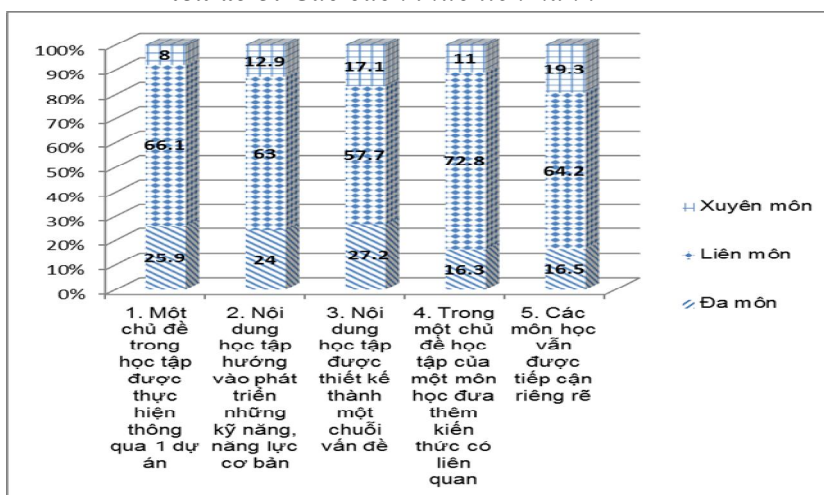
**Biểu đồ 2. Nhận thức của GV THCS về các vấn đề của DHTH**



**3.1.4. Cách thức tiến hành DHTH (xem biểu đồ 3)**

Biểu đồ 3 dưới đây cho thấy phần lớn GV (trên 55%) đều cho rằng các cách thức dạy học đã nêu đều là dạy học liên môn, điều đó chứng tỏ GV chưa nắm được những mục tiêu cơ bản của DHTH là “tránh trùng lặp về nội dung thuộc các môn học khác nhau; tạo mối quan hệ giữa các môn học với nhau và với kiến thức thực tiễn; tạo cơ hội để hình thành và phát triển năng lực, đặc biệt là các năng lực thực tiễn”. Trong khi các cách thức dạy học ở biểu đồ trên bao gồm cả dạy học liên môn, đa môn và xuyên môn.

**Biểu đồ 3. Các cách thức tiến hành DHTH**



### 3.2. *Thực trạng năng lực DHTH của GV THCS khu vực Nam Bộ*

Năng lực dạy học là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy học của GV, nó gồm tổ hợp các thành tố như khả năng nhận thức, kiến thức, khả năng thực hành, động cơ, thái độ... của GV đáp ứng những yêu cầu của hoạt động dạy học. DHTH cũng là quá trình hoạt động dạy học nhưng là quá trình dạy học chú trọng giúp HS phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống. Trên cơ sở quan niệm trên, chúng tôi tiến hành xem xét mức độ đạt được về năng lực DHTH của GV.

#### 3.2.1. *Thực trạng năng lực chuyên môn của GV khi tiến hành dạy tích hợp*

##### a) *Nhận thức của GV về tầm quan trọng của các kiến thức khi DHTH*

Phần lớn GV đều nhận thức được để DHTH thành công trước hết GV phải giỏi kiến thức môn học mà mình đảm nhận, 85,5% GV cho yêu cầu này là quan trọng và rất quan trọng; về tầm quan trọng các kiến thức nền tảng mà GV khi DHTH cần phải biết như kiến thức triết học, kinh tế, xã hội, văn hóa đối với các môn xã hội – nhân văn; và triết học, toán, kiến thức về tự nhiên đối với các môn khoa học tự nhiên, có 72,4% cho là quan trọng và rất quan trọng. Có 79,1% GV cho rằng *yêu cầu về nắm vững kiến thức và kỹ năng về tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn* là quan trọng và rất quan trọng. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận GV cho rằng những kiến thức nền tảng là bình thường (24,7%) và không quan trọng (2,9%). Đặc biệt là

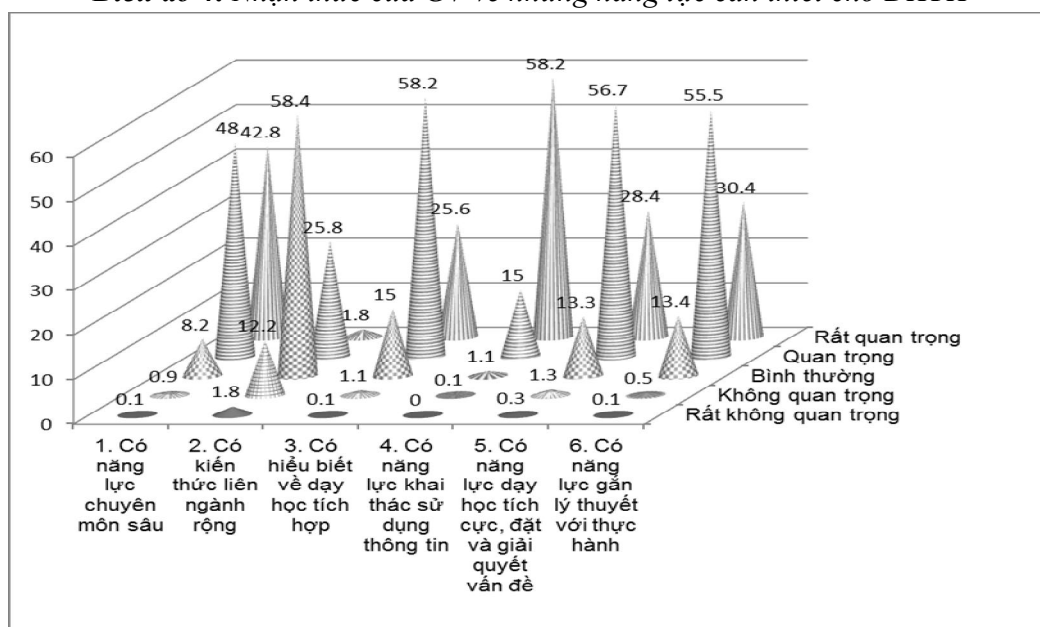
kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ, có 23,5% GV cho là bình thường; về khả năng tự học, tự nghiên cứu có 20,7% GV cho là bình thường. Như vậy GV chỉ coi trọng những kiến thức môn học cụ thể mà chưa thấy được tầm quan trọng của những kiến thức nền tảng và công cụ. Trong thực tế thì những kiến thức và năng lực nền tảng và công cụ có vai trò rất lớn trong việc đảm bảo thành công cho DHTH.

##### b) *Đánh giá mức độ đạt được của GV về kiến thức phục vụ DHTH*

So với nhận thức về tầm quan trọng của kiến thức thì mức độ đạt được về kiến thức khi DHTH, theo kết quả tự đánh giá của GV, có tỉ lệ thấp hơn nhiều. Về kiến thức bộ môn mà GV đảm nhận có 71,4% GV tự đánh giá là tốt và rất tốt, có 26,4% GV tự đánh giá là bình thường. Với các kiến thức nền tảng thì có 57,3% GV đánh giá tốt và rất tốt, có đến 38,4% tự đánh giá là bình thường. Tỉ lệ GV tự đánh giá đạt được ở mức độ bình thường các tiêu chí khác cũng khá cao, như kiến thức về các phương pháp dạy học tích cực 26,0%; kiến thức về tâm lý học, giáo dục học 33,1%; kiến thức về ngoại ngữ, tin học 38,0%; và kiến thức về tự học, tự nghiên cứu 31,8%. Như vậy, còn một tỉ lệ GV khoảng trên dưới 30% tự đánh giá về năng lực ở mức độ bình thường. Đây cũng là một con số đáng lo ngại khi bộ phận này tiến hành DHTH, vì yêu cầu của dạy học tích hợp đòi hỏi kiến thức bộ môn và liên môn của GV cao hơn nhiều.

#### 3.2.2. *Thực trạng về năng lực nghiệp vụ của GV khi DHTH*

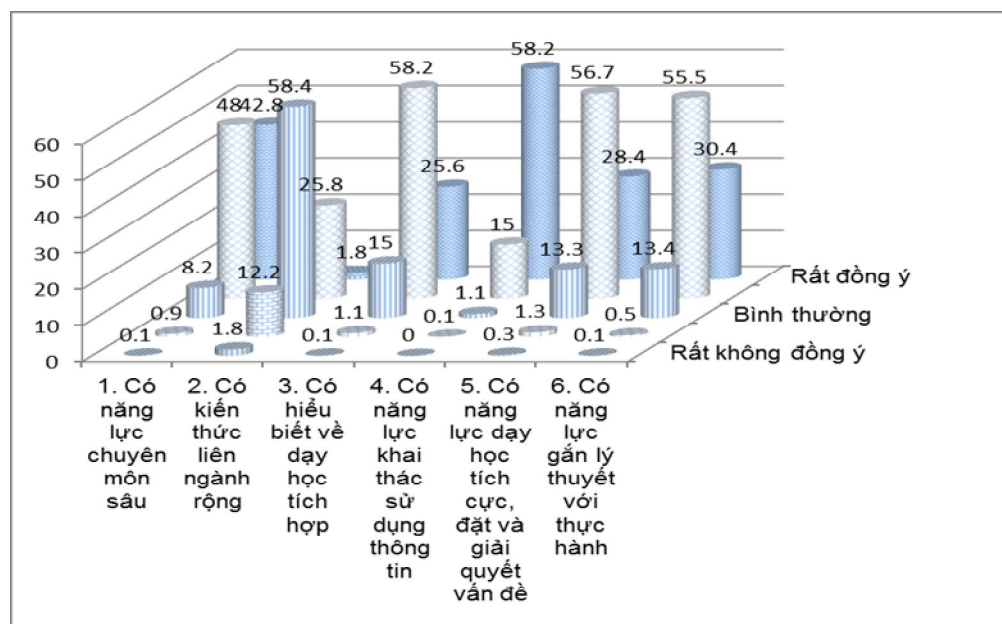
a) *Nhận thức về tầm quan trọng của những năng lực cần thiết đáp ứng DHTH (xem biểu đồ 4)*

**Biểu đồ 4. Nhận thức của GV về những năng lực cần thiết cho DHTH**

Biểu đồ 4 cho thấy phần lớn các ý kiến GV đều cho rằng *năng lực dạy học bộ môn mình được đào tạo* là rất quan trọng (90,8%), năng lực này như là một năng lực trung tâm để phối hợp/tiếp nhận các năng lực khác cùng đạt mục tiêu của DHTH. Ở mức độ quan trọng và rất quan trọng, GV xác định các năng lực tiếp theo như sau: Có năng lực DHTH như nắm được bản chất của DHTH, biết xây dựng chủ đề/nội dung, tổ chức, phương pháp và thiết kế kế hoạch DHTH... là 83,8%; có năng lực dạy học tích cực hóa hoạt động nhận thức của HS 85,1%; có năng lực sử dụng, khai thác thông tin khoa học phục vụ cho bài giảng 63,2%. Tuy nhiên, có một tiêu chí về *năng lực nắm vững*

*các kiến thức liên ngành, các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội* thì có đến 14,1% GV cho là không quan trọng và 58,4% cho là bình thường. Số GV cho tiêu chí này là quan trọng chỉ chiếm 27,6%. Điều này cho thấy GV chưa hiểu hết những yêu cầu về năng lực DHTH, chưa thấy tầm quan trọng của việc nắm vững những kiến thức và năng lực liên ngành. Với vốn kiến thức và phương pháp dạy học hạn hẹp đó sẽ làm cho hiệu quả dạy học nói chung và DHTH nói riêng không cao.

b) *Đánh giá mức độ đạt được của GV theo yêu cầu về năng lực DHTH (xem biểu đồ 5)*

**Biểu đồ số 5.** Mức độ đạt được của GV THCS về các năng lực cần thiết cho DHTH

Theo kết quả tự đánh giá của GV ở trên, mức độ đạt được của các năng lực cần cho DHTH như sau: Năng lực đạt được trong dạy học bộ môn mình được đào tạo là 80,9%, thấp hơn yêu cầu về nhận thức. Ở mức độ đồng ý và rất đồng ý về mức độ đạt được các năng lực tiếp theo như sau: *Năng lực nắm vững kiến thức liên ngành* có 70,7% GV; *năng lực DHTH như hiểu biết về DHTH (nắm được bản chất của DHTH, biết xây dựng chủ đề/nội dung, tổ chức dạy học, phương pháp, thiết kế kế hoạch DHTH...)* có 67,7% GV; *năng lực dạy học tích cực hóa hoạt động của HS* có 72,0% GV; *năng lực sử dụng, khai thác thông tin*

*khoa học phục vụ cho bài giảng* có 72,2% GV.

### 3.2.3. Đánh giá của CBQL về mức độ đáp ứng năng lực DHTH của GV THCS

Để có cái nhìn khách quan hơn khi đánh giá năng lực DHTH của GV THCS các tỉnh khu vực Nam Bộ, chúng tôi đã lấy ý kiến đánh giá của CBQL giáo dục từ cấp Sở (phòng THPT), CBQL các phòng giáo dục quận, huyện và CBQL các trường THCS. Về mức độ đáp ứng năng lực của GV THCS, số liệu thu được cho thấy kết quả đánh giá của CBQL có tỉ lệ thấp hơn so với kết quả tự đánh giá của GV (xem bảng 1).



**Bảng 1. Đánh giá của CBQL về năng lực DHTH của GV THCS**

Các năng lực DHTH của GV	Tỉ lệ % về mức độ đánh giá				
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1. Hiểu biết về DHTH			17,9	42,9	39,3
2. Có kiến thức chuyên môn sâu	0,3	1,4	19,8	45,8	32,6
3. Có khả năng hiểu và xây dựng chương trình môn học		0,7	22,8	50,5	26,0
4. Có hiểu biết nội dung và phương pháp các môn học có liên quan		1,7	19,4	56,9	21,9
5. Có phương pháp giảng dạy tốt	1,7	19,4	56,9	21,9	1,7
6. Nắm vững các phương pháp dạy học hiện đại		1,7	19,4	56,9	21,9
7. Kích thích HS yêu thích môn học		1,4	14,5	58,3	25,9
8. Có hiểu biết về đối tượng học sinh THCS		1,4	14,5	58,3	25,9
9. Có khả năng trao đổi, hợp tác với đồng nghiệp		0,3	10,7	53,8	35,2
10. Năng lực tự học, tự nghiên cứu chuyên môn		1,0	12,1	58,3	28,6
11. Khả năng đánh giá đúng năng lực của HS		0,7	10,0	62,8	26,6

Bảng 1 cho thấy đánh giá của CBQL về năng lực DHTH của GV là đáng lo ngại. Kết quả cho thấy CBQL đánh giá các tiêu chí về năng lực GV vẫn còn khoảng từ 10 đến 20% GV được đánh giá đạt mức độ trung bình, cá biệt ở tiêu chí về *phương pháp giảng dạy* có đến 56,9% ý kiến được đánh giá GV ở mức độ trung bình. Như vậy, cần có các giải pháp quyết liệt thì mới đẩy nhanh việc nâng cao năng lực DHTH cho đội ngũ GV THCS khu vực Nam Bộ.

#### 4. Kết luận

Như vậy, kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng cho thấy phần lớn GV THCS đã có những hiểu biết cơ bản về sự cần thiết phải DHTH; hiểu các khái niệm, nguyên tắc, quan điểm và các hình thức DHTH. Phần lớn các GV cũng đã tiến hành các tiết DHTH, có năng lực đáp ứng yêu cầu DHTH. Tuy nhiên, những nhận

thức của GV còn dừng ở mức độ chung chung, chưa thật sự nắm vững một cách sâu sắc bản chất của DHTH, chưa phân biệt được các hình thức tiến hành DHTH, giữa nhận thức và năng lực dạy học còn có một khoảng cách. DHTH không chỉ là một xu hướng ở trên thế giới mà còn là một yêu cầu cấp bách hiện nay ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo. Bậc học THCS, một bậc học được xác định có vai trò quyết định trong việc trang bị những kiến thức cơ bản, phổ thông chuẩn bị cho HS vào nghề, vào đời và tiếp tục học lên THPT theo định hướng nghề nghiệp. Các môn học ở THCS sẽ được tích hợp triệt để, do vậy, GV THCS không chỉ phải nắm vững lí thuyết mà còn phải tiến hành tốt các hoạt động dạy học, giáo dục và trải nghiệm cho HS. Tuy nhiên, đội ngũ GV THCS cũng còn nhiều



hạn chế trong nhận thức và hoạt động dạy học. Nhìn nhận được bức tranh thực trạng về hiểu biết và năng lực DHTH hiện nay sẽ cho phép chúng ta có những giải pháp

tích cực, phù hợp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ GV và chất lượng DHTH ở các trường THCS Nam Bộ nói riêng và các trường THCS cả nước nói chung.

<sup>1</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn dạy học tích hợp ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.11.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý Cơ sở giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn Dạy học tích hợp ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông* (Dùng cho cán bộ quản lý, giáo viên THCS, THPT), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Franzie L. Loeep (1999), “Các mô hình về chương trình tích hợp”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Dạy học tích hợp, dạy học phân hóa ở trường Trung học - Đáp ứng yêu cầu chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015”*, do Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm TPHCM tổ chức, tháng 12-2014, bản dịch của Bùi Tiến Huân.
3. Ngô Minh Oanh, Trương Công Thanh (2012), “Thực trạng dạy học tích hợp và phân hóa hiện nay – Đề xuất cho giáo dục phổ thông Việt Nam sau 2015”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2012*.
4. Cao Thị Thặng, Nguyễn Lăng Bình, Đỗ Hương Trà, Nguyễn Phương Hồng (2010), *Kỹ thuật và phương pháp dạy học tích hợp*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Todd, R. J. (1995), *Integrated information skills instruction: Does it make difference*, SLMW. Vol3, No2.
6. Venville, G & Dawson, V. (2004), *Intergration of science with other learning areas. The art of teaching science*. Crows Nest, New South Wales, Australia: Allen & Unwin, pp 146-161.
7. Virtue, D. C., Wilson, J. L. & Ingram, N. (2009), “In overcoming obstacles to curriculum intergration, less can be more!”, *Middle School Journal*, 40(3), 4-11.
8. Xavier Roegiers (1996), *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, Đào Trọng Quang và Nguyễn Ngọc Nhi dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24-01-2016; ngày phản biện đánh giá: 31-3-2016;  
ngày chấp nhận đăng: 20-4-2016)